TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-PT

Ngày 28/02/2024

V/v Tranh chấp lối đi, yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Hà, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 513/2023/TLPT-DS ngày 28/12/2023, về "Tranh chấp lối đi chung và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 05/9/2023, của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2024/QĐ-PT ngày 09/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Xã T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H; địa chỉ: Số D H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị Nhất L1; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P; địa chỉ: Số G Q, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Mai H1 – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K (Theo Giấy uỷ quyền số 08/GUQ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện K) – vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Vào năm 2006, gia đình chúng tôi nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị L 01 lô đất có diện tích 1.210m^2, tọa lạc tại thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với giá 480.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên đã thỏa thuận, thống nhất lập Giấy sang nhượng đất ngày 30/4/2006 và được thôn trưởng xác nhận. Lô đất chuyển nhượng có vị trí tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp đất vợ chồng ông Hoàng X;

+ Phía Tây giáp đất vợ chồng ông Thịnh L2;

+Phía Nam giáp đất vợ chồng ông Thịnh L2;

+Phía Bắc giáp đường đi lên xóm;

Sau khi nhận chuyển nhượng đất chúng tôi đã thanh toán đủ tiền cho ông T1, bà L2 và chúng tôi đã quản lý, canh tác ổn định trên lô đất này từ đó đến nay, không có tranh chấp.

Trong Giấy sang nhượng đất được thành lập ngày 30/4/2006 hai bên đã thỏa thuận về đường đi chung, được thêm vào mục ghi chú, cụ thể như sau: "*Tôi Nguyễn Xuân T1 và vợ bà Nguyễn Thị L đồng ý thống nhất mở đường đi 05 mét đường dân sinh của các hộ phía sau khi đã nhượng lại đất cho họ, cam kết thực hiện đúng như ghi chú".*

Theo thông tin chúng tôi được biết, ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị L sang nhượng đất cho ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 7742216, thửa số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2, cấp ngày 03/4/2013 và cấp chồng lấn vào phần đường 05 m của chúng tôi thoả thuận làm đường đi. Sau đó, thửa đất này đã được ông S, bà P chuyển nhượng lại cho ông Đ, bà L1 đã được Ủy ban nhân dân huyện K làm thủ tục sang tên ông Đ, bà L1 thay đổi cơ sở pháp lý ngày 13/10/2020.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông Đ, bà L1 xây dựng bờ rào, xây nhà lấn ra đường của chúng tôi, lấn chiếm khoảng 2,7m, phần đất này đã được thỏa thuận trước đây giữa tôi và ông T1, bà L. Hiện nay con đường đi chung 5m chỉ còn lại 2,3m; việc ông T1, bà L chuyển nhượng phần đất đã thoả thuận để làm đường đi chung và việc ông Đ, bà L1 xây nhà có một phần đất có con đường đi đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình tôi, gây bất tiện trong việc đi lại, lưu thông của chúng tôi. Hiện nay con đường chỉ còn lại 02m. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi, nay chúng tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị L phải phục hồi

lại con đường đúng nguyên trạng 05 mét như đã thỏa thuận, đồng thời tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận QSDĐ số 774214 mang tên ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P, hủy nội dung thay đổi pháp lý đứng tên ông Đ, bà L1 và buộc ông Phan Văn Đ gỡ bỏ hàng rào, nhà xây, trả lại đường đi cho chúng tôi. Đồng thời đề nghị chuyển hồ sơ lên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm theo thẩm quyền.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án đến Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:

Căn cứ vào tài liệu và hồ sơ được lưu trữ tại Chi nhánh văn phòng Đ1. Sau khi nghiên cứu tài liệu và hồ sơ cho thấy: Việc UBND huyện cấp GCNQSD đất số BA 466388, tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 31, diện tích 250m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn 150m^2 và đất trồng cây hàng năm khác 100m^2), do UBND huyện K cấp ngày 20/8/2010 cho ông Nguyễn Duy S và bà Bùi Thị Kim P; thường trú tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng QSD đất của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T1 và vợ bà Nguyễn Thị L là đúng quy định của pháp luật.

Năm 2013, ông Nguyễn Duy S và bà Bùi Thị Kim P yêu cầu tách thửa đất 246, tờ bản đồ số 31, diện tích 250m^2 thành hai thửa đất gồm: Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2 và thửa đất số 210, tờ bản đồ số 57, diện tích 124,8m^2 được mang tên ông Nguyễn Duy S và bà Bùi Thị Kim P. Tháng 3 năm 2020 ông ông S, bà P chuyển nhượng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2 cho ông Phan Văn Đ và vợ là bà Phạm Thị Nhất L1; ngày 10/3/2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 chỉnh lý biến động tại trang số 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Nhất L1 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày:

Ngày 10/3/2020, gia đình ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P thửa đất số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 7742216, cấp ngày 03/4/2013 đứng tên ông Nguyễn Duy S và bà Bùi Thị Kim P. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông đã xây nhà trên diện tích nhận chuyển nhượng, diện tích đất xây dựng nằm trong đất nhận chuyển nhượng và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên gia đình ông không lấn chiếm đường đi. Việc tranh chấp đất giữa ông T và ông T1 thì ông biết. Do đó, đề nghị Toà án xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp của gia đình tôi theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P trình bày có nội dung:

Vào khoảng đầu năm 2008, vợ chồng tôi có mua một lô đất của ông bà Thịnh L2 ở tại thôn A, xã P, huyện K với diện tích 250m^2, vị trí của thửa đất:

Phía Đông giáp đất ông Thịnh L2;

Phía Tây giáp đường đi vào trường cấp 3;

Phía Nam giáp đất ông T2;

Phía Bắc giáp đường đi của ông T1, bà L2.

Đến tháng 8/2010 chúng tôi được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 246, tờ bản đồ số 31, diện tích 250m^2;

Vào đầu tháng 4/2013 chúng tôi tách thửa đất trên thành 02 thửa: Thửa số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2 và thửa đất số 210, tờ bản đồ số 57, diện tích 124,8m^2. Sau khi tách thửa xong chúng tôi đã bán cho ông Vương C thửa đất số 210; thửa đất còn lại đến tháng 3/2020 chúng tôi bán cho ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị Nhất L1; vị trí đất:

Phía Đông giáp đất ông Thịnh L2;

Phía Tây giáp đường đi vào trường cấp 3;

Phía Nam giáp đất ông V1;

Phía Bắc giáp đường đi của ông T1, bà L2.

Qua việc khởi kiện trên chúng tôi đề nghị Toà án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Do bận công việc và xét thấy không liên quan đến vụ án nên chúng tôi xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử tại Toà án đối với vụ án; không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng ông T1, bà L2 không hợp tác nên Toà án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông T1, bà L2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 05/9/2023, của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 175, Điều 176, Điều 211, Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị L phải phục hồi lại con đường đúng nguyên trạng 05 mét như thỏa thuận tại Giấy sang nhượng đất ngày 30/4/2006, đồng thời tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận QSDĐ số BE 774214 mang tên ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P, hủy nội dung thay đổi pháp lý đứng tên ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị Nhất L1 và buộc ông

Phan Văn Đ gỡ bỏ hàng rào, nhà xây, trả lại đường đi cho ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V nộp trong thời hạn luật định; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn có nội dung tranh chấp phần phụ lục cam kết của hợp đồng chuyển nhượng từ năm 2006 do cam kết không được thực hiện. Thời điểm giải quyết vụ án thì thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng đã hết vì khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông T, bà V không khiếu nại gì về con đường này. Vì vậy Toà án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về lối đi chung là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 30/4/2006 âm lịch ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V 01 lô đất có diện tích 1.210m^2, tọa lạc tại thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với giá 480.000.000 đồng. Ngoài việc thoả thuận chuyển nhượng đất hai bên còn ghi chú bổ sung thêm nội dung "*Tôi Nguyễn*

Xuân T1 và vợ bà Nguyễn Thị L đồng ý thống nhất mở đường đi 05 mét đường dân sinh của các hộ phía sau khi đã nhượng lại đất cho họ, cam kết thực hiện đúng như ghi chú". Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông T, bà V chưa sử dụng phần diện tích đang tranh chấp để làm lối đi. Hiện nay, vị trí con đường theo nguyên đơn yêu cầu có một phần căn nhà gác lửng của ông Đ, bà L1 được xây dựng vào năm 2021 với chiều ngang 2,7m theo đường nhựa và dài 25,3m; một mái che có chiều ngang 2,3m theo đường nhựa, dài 17m. Phần diện tích còn lại do ông T1, bà L đang quản lý, trồng trọt. Theo bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính thể hiện có 01 con đường giao thông rộng 2,5m, phía Bắc giáp với bờ tường trường Phan Đăng L3, phía Nam giáp thửa đất số 155, phía Tây giáp đường nhựa, phía Đông kéo tới hết thửa đất của ông T, bà V. Vì vậy, ông T, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà L phải phục hồi lại con đường đúng nguyên hiện trạng 05m là không có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BE 774214 mang tên ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P, hủy nội dung thay đổi pháp lý đứng tên ông Đ, bà L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 31, diện tích 250m^2, mang tên ông Nguyễn Duy S và bà Bùi Thị Kim P có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông T1, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010, đến năm 2013 ông S, bà P tách làm 02 gồm: Thửa số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2 và thửa đất số 210, tờ bản đồ số 57, diện tích 124,8m^2. Đến tháng 3/2020 ông S, bà P chuyển nhượng cho ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị Nhất L1 thửa đất số 155, tờ bản đồ số 57, diện tích 125,1m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 774214, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 03/4/2013. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đ, bà L1 đã xây dựng nhà và sử dụng đất theo diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S, bà P và ông Đ, bà L1 được UBND huyện K thực hiện dựa trên các hợp đồng chuyển nhượng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; việc mua bán giữa ông S, bà P với ông Đ, bà L1 là ngay tình, nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 05/9/2023, của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] **Tuyên xử:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân T1, bà Nguyễn Thị L phải phục hồi lại con đường đúng nguyên trạng 05 mét như thỏa thuận tại Giấy sang nhượng đất ngày 30/4/2006, đồng thời tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận QSDĐ số BE 774214 mang tên ông Nguyễn Duy S, bà Bùi Thị Kim P, hủy nội dung thay đổi pháp lý đứng tên ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị Nhất L1 và buộc ông Phan Văn Đ gỡ bỏ hàng rào, nhà xây, trả lại đường đi cho ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V.

[3] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng: Ông T, bà V phải chịu các chi phí này (đã chi phí xong). Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 6.400.000 đồng: Ông T, bà V phải chịu chi phí này (đã chi phí xong).

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu buộc bị đơn phải phục hồi lại con đường và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và huỷ nội dung thay đổi pháp lý. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60A/2021/0003679 ngày 28/6/2021 và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 60A/2021/0007570 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Xã T, bà Nguyễn Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T, bà V đã nộp theo Biên lai số 0004127 ngày 03/10/2023 và theo Biên lai số 0004128 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết